TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-3-2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Doãn Đức Hùng

2. Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Đạo – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 937/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị A**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Hiện trú tại: Khu tái định cư, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà A vắng mặt, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/10/2023, tại bản tự khai nguyên đơn bà Hoàng Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn T kết hôn năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đời sống chung của vợ chồng có nhiều bất đồng, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mỗi lần xung đột bà thường bị ông T đánh đập tàn nhẫn, vợ chồng bà cũng đã ly thân được 03 năm nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt, bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Lê Thị Thanh T1, sinh ngày 03/6/2000, cháu Lê Hoàng Diễm Q, sinh ngày 20/3/2005 và cháu Lê Quỳnh T2, sinh ngày 31/5/2014. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quỳnh T2, sinh ngày 31/5/2014 và tạm thời bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thị Thanh T1, sinh ngày 03/6/2000, cháu Lê Hoàng Diễm Q, sinh ngày 20/3/2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Hoàng Thị A kết hôn năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình vợ chồng chung sống cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bà A thường xuyên sử dụng tiền chung của vợ chồng làm việc riêng nhưng không hề thông qua ông, giấu giếm làm một mình đến khi vỡ nợ ra ông mới biết. Mỗi lần vợ chồng xung đột thì có xảy ra xô xát, chứ ông không đánh bà A. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm với bà A không còn nên bà A yêu cầu xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

Về con chung: Có 03 con chung là cháu Lê Thị Thanh T1, sinh ngày 03/6/2000, cháu Lê Hoàng Diễm Q, sinh ngày 20/3/2005 và cháu Lê Quỳnh T2, sinh ngày 31/5/2014. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quỳnh T2, sinh ngày 31/5/2014 thì tôi cũng đồng ý và tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Lê Thị Thanh T1, sinh ngày 03/6/2000, cháu Lê Hoàng Diễm Q, sinh ngày 20/3/2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A về việc ly hôn với ông T. Giao cháu Lê Quỳnh T2 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà A trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Bà A trình bày không có. Về án phí: bà A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hoàng Thị A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị A và ông Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 115 ngày 31/10/1999 nên căn cứ Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà A trình bày sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đời sống chung của vợ chồng có nhiều bất đồng, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mỗi lần xung đột bà thường bị ông T đánh đập tàn nhẫn, vợ chồng bà cũng đã ly thân được 03 năm nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt, bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T. Theo ông T trình bày vợ chồng chung sống cũng xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bà A thường xuyên sử dụng tiền chung của vợ chồng làm việc riêng nhưng không hề thông qua ông, giấu giếm làm một mình đến khi vỡ nợ ra ông mới biết. Mỗi lần vợ chồng xung đột thì có xảy ra xô xát, chứ ông không đánh bà A. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm với bà A không còn nên bà A yêu cầu xin ly hôn thì ông cũng đồng ý.

[2.2] Xét thấy, vợ chồng bà A, ông T cũng đã ly thân , vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên việc bà A xin ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A, bà Hoàng Thị A được ly hôn với ông Lê Văn T.

[3] Về con chung: Bà A và ông T có 03 con chung là cháu Lê Thị Thanh T1, sinh ngày 03/6/2000, cháu Lê Hoàng Diễm Q, sinh ngày 20/3/2005 và cháu Lê Quỳnh T2, sinh ngày 31/5/2014. Khi ly hôn bà Hoàng Thị A xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quỳnh T2, sinh ngày 31/5/2014 và không yêu cầu ông Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con chung, ông T cũng đồng ý với yêu cầu này của bà A và phù hợp với nguyện vọng của cháu T2, do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu T2 nên giao cháu T2 cho bà Hoàng Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để tạo điều kiện ổn định phát triển về mọi mặt cho cháu T2. Tạm thời ông Lê Văn T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Lê Thị

Thanh T1, sinh ngày 03/6/2000, cháu Lê Hoàng Diễm Q, sinh ngày 20/3/2005 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị A.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị A được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh T2, sinh ngày 31/5/2014 cho bà Hoàng Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Lê Văn T không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lê Thị Thanh T1, sinh ngày 03/6/2000 và cháu Lê Hoàng Diễm Q, sinh ngày 20/3/2005 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Không ai được cản trở quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của ông Lê Văn T.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Hoàng Thị A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007551 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà Hoàng Thị A đã nộp đủ án phí.

Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Tây Hồ, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Loan Trần Hải Yến